

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020

Ths. Nguyễn Quang Anh, PGS.TS Hồ Tiên Dũng

Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Email: nqanh76@gmail.com

Xây dựng là lĩnh vực chịu tác động mạnh nhất từ sự tăng trưởng với tốc độ cao của nền kinh tế. Ngành xây dựng đã tạo công ăn việc làm, giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến lao động. Do vậy, tiến đến hội nhập với khu vực, thế giới và mở cửa hoàn toàn trong lĩnh vực xây dựng, cần đánh giá thực chất năng lực hiện tại của các doanh nghiệp xây dựng để có thể đề ra các chính sách và biện pháp hỗ trợ thiết thực. Mặt khác, phải có các chiến lược nâng cao khả năng cạnh tranh để trong một thời gian nhất định, các doanh nghiệp xây dựng trong nước nói chung và tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng tự vươn lên, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài trên thị trường Việt Nam và vươn ra thị trường thế giới.

Từ khóa: ngành xây dựng, doanh nghiệp xây dựng, năng lực cạnh tranh, thực trạng doanh nghiệp xây dựng

1. Tổng quan ngành xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị quan trọng sau Thủ đô Hà Nội. Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh xưa nay gắn bó máu thịt với lịch sử và vận mệnh của đất nước, là thành quả chung của cả nước, nơi hội tụ công sức, tài năng và tâm huyết của cả dân tộc Việt Nam.

Từ nay đến năm 2020, thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về thành phố và *chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020* do Đại hội XI của Đảng đề ra, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục nỗ lực phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển thành phố nhanh và bền vững với chất lượng và tốc độ cao.

Về phát triển đô thị, tích cực khắc phục có hiệu quả tình trạng yếu kém, quá tải, bất cập về kết cấu hạ tầng. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị lớn mà chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020 đã đề ra. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đô thị cũ, đồng thời đẩy mạnh tiến độ xây dựng đô thị mới hiện đại, các đô thị vệ tinh, hình thành chuỗi đô thị, nối kết với các đô thị khác trong vùng.

Ngành xây dựng hoạt động và định hướng nằm trong chiến lược phát triển chung của thành phố và

chiến lược phát triển ngành của Bộ chủ quản trong Tổng thể chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam. Trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò động lực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (thành phố Hồ Chí Minh- Đồng Nai- Bà Rịa Vũng Tàu).

Với nhiệm vụ và yêu cầu phát triển thành phố như trên, ngành xây dựng là một bộ phận không thể thiếu, nó có một vai trò hết sức quan trọng trong việc kiến thiết xây dựng cơ sở hạ tầng như các trường học, bệnh viện, cầu, cống, đường sá, hệ thống giao thông, thủy lợi, cao ốc văn phòng... đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

2.1 Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng

Năm 2012, mặc dù tình hình kinh tế cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng gặp nhiều khó khăn, trở ngại do những bất ổn của thị trường tài chính, suy giảm về kinh tế và tình hình trầm lắng, đóng băng của thị trường bất động sản, ngành xây dựng thành phố đã ra sức phấn đấu, tích cực triển khai các giải pháp chung của Chính phủ, cũng như của ngành và của thành phố để hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được giao.

Giá trị sản xuất cả năm 2012 ước thực hiện

152.334 tỷ đồng, tăng 10,7% so năm trước (chưa loại trừ yếu tố giá), quý 4/2012 đạt 49.220 tỷ đồng, tăng 19,9% so với quý 3 và tăng 10,8% so với quý 4/2011. Trong đó, kinh tế nhà nước đạt 12.582,8 tỷ đồng, chiếm 8,4%, tăng 1,4% so năm 2011; kinh tế ngoài nhà nước đạt 130.741 tỷ đồng, chiếm 85,8%, tăng 12%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.010 tỷ đồng, chiếm 5,9%, tăng 5,9%. Mức tăng chung và của ba thành phần trên của năm 2011 tương ứng là 21,5%; -3,9%; 25,8% và 11,8%. Tình hình hoạt động xây lắp nhận thầu trên địa bàn thành phố tăng chậm, chủ yếu do ảnh hưởng của thị trường bất động sản trì trệ.

2.1.1. Đầu tư xây dựng

Vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố 02 tháng đầu 2013, ước tính thực hiện 902,3 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Cấp thành phố 384,8 tỷ đồng, chiếm 42,7%; cấp quận huyện 517,5 tỷ đồng, chiếm 57,3%.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

02 dự án cầu vượt bằng thép tại ngã tư Thủ Đức và nút vòng xoay Hàng Xanh đã hoàn thành đưa vào sử dụng, dự án cầu vượt thứ 3 tại vòng xoay Lăng Cha Cả đã khởi công vào ngày 5/2/2013, với tổng vốn đầu tư 121,5 tỷ đồng, dự kiến sẽ hoàn thành sau 4 tháng thi công.

Với tính hiệu quả cao về giảm bớt ùn tắc giao thông, tiết kiệm được chi phí và thời gian thi công, UBND Thành phố chỉ đạo tiếp tục khởi công các dự án cầu vượt tại các điểm trọng yếu trước ngày 30/4:

- Ngã sáu đường Nguyễn Tri Phương- đường 3 tháng 2-Lý Thái Tổ;
- Giao lộ đường Cộng Hòa-Hoàng Hoa Thám;
- Vòng xoay Cây Gõ.

2.1.2. Xây dựng nhà ở hộ dân cư riêng lẻ

Tháng 01/2013, toàn thành phố đã cấp 2.816 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 498,6 ngàn m². Trong đó, cấp cho xây dựng mới 2.464 giấy phép, với diện tích 445,3 ngàn m² và 352 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 53,2 ngàn m². So với cùng kỳ tăng 38,2% về giấy phép và tăng 40,2% về diện tích (+143,6 ngàn m²). Cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài (từ đầu năm đến ngày 15/2). Có 38 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 43,9 triệu USD (trong đó vốn điều lệ 28,1 triệu USD).

Theo hình thức đầu tư: 26 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 26 triệu USD; 12 dự án hình thức liên doanh, vốn đầu tư 17,9 triệu USD.

Theo ngành đầu tư: Công nghiệp 7 dự án, vốn

đầu tư 26,7 triệu USD (chiếm 61% tổng vốn); thương nghiệp 6 dự án, vốn đầu tư 2,3 triệu USD; dịch vụ lưu trú và ăn uống 1 dự án, vốn đầu tư 5 triệu USD; thông tin và truyền thông 9 dự án, vốn đầu tư 2,4 triệu USD; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 8 dự án, vốn đầu tư 4,6 triệu USD,...

Theo quốc gia đầu tư: Hà Lan 2 dự án, vốn đầu tư 20,2 triệu USD (chiếm 46,1% tổng vốn); Australia 1 dự án, vốn đầu tư 9,8 triệu USD; Singapore 7 dự án, vốn đầu tư 5,7 triệu USD; Nhật Bản 16 dự án, vốn đầu tư 4,6 triệu USD; Hàn Quốc 4 dự án, vốn đầu tư 1,3 triệu USD;...

Có 11 dự án tăng vốn đầu tư, vốn tăng 12,6 triệu USD; 7 dự án giải thể, chuyển đi tỉnh thành khác với 1,4 triệu USD. Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn tính đến 15/2 đạt 56,5 triệu USD.

2.1.3. Công tác cấp phép xây dựng

Tính đến nay, toàn thành phố đã cấp 36.035 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn (bằng 86,5% so với cùng kỳ) với diện tích sàn 6.071,8 ngàn m² (bằng 85,3% so với cùng kỳ). Riêng Sở Xây dựng, trong năm 2012 đã cấp 253 giấy phép xây dựng (tăng 5,37% so với cùng kỳ), với tổng diện tích sàn xây dựng đạt là 1.367.731,95 m² (giảm 2,76% so với cùng kỳ). Nhìn chung, số lượng giấy phép và diện tích sàn giảm so với cùng kỳ, chủ yếu là các công trình có quy mô nhỏ, do ảnh hưởng của tình hình suy giảm kinh tế toàn cầu và tình hình lạm phát trong nước với chỉ số giá các mặt hàng vật liệu xây dựng tăng mạnh.

2.1.4. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 của nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong lĩnh vực xây dựng là tiếp tục “thất bát”. Đây là thực trạng vô cùng ảm đạm của các doanh nghiệp xây dựng trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

Tổng hợp số liệu các đơn vị cho thấy, kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm đều ở mức thấp, rất nhiều chỉ tiêu về giá trị sản xuất kinh doanh, giá trị đầu tư, doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước đều thấp so với kế hoạch, cũng như so cùng kỳ năm 2011.

Đơn cử giá trị sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam mới đạt 40,2% so với cùng kỳ, Tổng Công ty Xây dựng số 1 là 37,2% và Tổng Công ty Fico là 32,2%.

Theo Chủ tịch Tập đoàn công nghiệp xây dựng Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2012, về cơ bản tiến độ

các công trình trọng điểm nhà nước vẫn được đảm bảo tốt. Tuy nhiên, lợi nhuận của Tập đoàn đạt thấp do chi phí tài chính cao, một số nhà máy thiếu vốn, tình hình tiêu thụ sản phẩm khó khăn. Hiện, công nợ dờ dang đã lên đến 21.000 tỷ đồng, riêng công trình trọng điểm nhà nước 7.500 tỷ đồng. Nguyên nhân là do các chủ đầu tư không có vốn để thanh toán.

Trong bối cảnh khó khăn kéo dài từ 2011, năm 2012, các doanh nghiệp phát triển đô thị nhà ở, đầu tư kinh doanh bất động sản tiếp tục đối mặt với khó khăn như lãi vay cao, khả năng tiếp cận nguồn vốn cực khó. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản lại đóng băng kéo dài. Theo đó, mặc dù các doanh nghiệp đã hết sức nỗ lực, đồng loạt triển khai các giải pháp nhưng chỉ đạt 30-40% kế hoạch cả năm đề ra.

Còn lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng, tổng giá sản xuất công nghiệp chỉ bằng 98% so với cùng kỳ. Sản xuất và tiêu thụ đều đình đốn, lượng hàng tồn kho rất cao. Nhiều doanh nghiệp phải giảm công suất khai thác để tránh thua lỗ thêm.

Trước những khó khăn chồng chất, lãnh đạo các Tổng công ty, doanh nghiệp xây dựng đã đồng loạt đưa ra các kiến nghị, trong đó vấn đề chính vẫn là khơi thông nguồn vốn, đảm bảo vốn thanh toán các công trình trọng điểm do nhiều chủ đầu tư đang phải chịu chi phí lãi vay cao. Bên cạnh đó, có cơ chế để các đơn vị trong tập đoàn thoái vốn ở các công ty sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.

2.2 Các yếu tố tác động đến hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các công ty xây dựng tại TP.HCM

2.2.1. Nhân lực

Nhân lực là yếu tố hàng đầu và là quan trọng nhất đối với tất cả các ngành sản xuất kinh doanh. Qua thống kê cho thấy, số lượng lao động trên địa bàn thành phố phát triển không ngừng.

Lực lượng lao động thành phố có tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 3,5%/năm và tăng dần qua các năm. Năm 2012, tổng nguồn nhân lực (bao gồm những người trong độ tuổi lao động và những người ngoài độ tuổi lao động vẫn có khả năng lao động) theo số liệu thống kê có 5,5 triệu người, chiếm 70,6% dân số.

Lực lượng lao động từ 20 tuổi đến 45 tuổi chiếm 65,81% trong các nhóm tuổi tham gia lao động. Nhóm tuổi 20-24 chiếm cao nhất, 16,7%, nhóm tuổi 25-29 chiếm 15,18%, nhóm tuổi 30-34 chiếm 17,58%.

Lực lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ 52,41% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong các nhóm tuổi luôn cao hơn tỷ lệ lao động nam.

Trình độ học vấn nguồn nhân lực và dân số tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên tỷ lệ 47,6%; tốt nghiệp trung học cơ sở tỷ lệ 27,34%.

Tỷ lệ lao động thất nghiệp tại thành phố bình quân ở mức 5,10% (260.000-280.000 người/năm).

Trong đó, số chỗ làm việc của khu vực sản xuất công nghiệp, xây dựng thu hút khoảng 1,8 triệu người, chiếm tỷ lệ 46,29% tổng nhu cầu việc làm các ngành kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành xây dựng thành phố đã thu hút một số lượng lớn lao động phổ thông từ vùng nông thôn ngoại thành và các tỉnh lân cận. Bên cạnh các mặt tích cực như số lượng đông, ý thức ham học hỏi, cần cù, sáng tạo trong công việc,... thì nhân lực ngành xây dựng tại TP.HCM vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau đây:

Về đội ngũ cán bộ CNV: thiếu những cán bộ đầu đàn trong các lĩnh vực quản lý và trong công tác nghiên cứu. Tuổi bình quân cao, nhiều cán bộ chưa qua trường lớp quản lý, trình độ ngoại ngữ tiếng Anh còn hạn chế, số cán bộ có trình độ ngoại ngữ để trực tiếp giao dịch và làm việc với người nước ngoài còn ít.

Về đội ngũ thợ lành nghề: Hiện nay, hầu hết các thợ xây dựng hành nghề do truyền thống gia đình, do không có nghề nghiệp chuyên môn hay do thời vận, nên chưa qua một trường lớp đào tạo chính qui nào dù là ngắn hạn. Đội ngũ thợ xây dựng hiện đang hành nghề thì chưa chuyên sâu, họ có thể làm hết mọi công đoạn như nề, sắt, cốt pha, sơn vôi nhưng kỹ mỹ thuật còn ở mức trung bình. Hiện nay, thợ trang trí nội thất còn thiếu rất nhiều. Sự không chủ động về lực lượng có tay nghề giỏi đã gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp nhà nước.

2.2.2. Vốn

Hiện nay, có hơn 100 doanh nghiệp thi công xây dựng được cấp giấy phép hành nghề ở thành phố Hồ Chí Minh với số vốn khoảng 600 tỷ đồng, đây là số vốn không cao. Theo báo cáo thành lập doanh nghiệp, Quyết định số 38/CP, Tổng công ty xây dựng Sài Gòn- đơn vị thi công xây dựng lớn của thành phố với 11 đơn vị trực thuộc chỉ có gần 13 tỷ đồng vốn. Trong đó đơn vị có vốn cao nhất hơn 2 tỷ đồng (tương đương với 100.000 USD) và đơn vị có vốn nhỏ nhất chỉ có hơn 200 triệu đồng (tương đương 10.000 USD).

Các doanh nghiệp nhà nước còn hoạt động cho đến nay là nhờ lãi suất ưu đãi về tín dụng của các ngân hàng nhà nước (nhất là Ngân hàng đầu tư và phát triển) và vốn chiếm dụng của các nguồn khác. Vì thực tế trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp

nhà nước, vốn cố định chiếm tỷ lệ rất cao thường là 2/3 trong tổng số vốn. Vốn cố định căn cứ trên giá trị còn lại của tài sản cố định đã có sau khi đánh giá lại, vốn lưu động phần lớn cũng dựa trên vật liệu tồn kho còn các loại vốn khác không đáng kể. Nhưng đa số các tài sản cố định và lưu động đã hư hỏng và lạc hậu, sử dụng hết công suất và không đạt năng suất cao, do đó, không phát huy được hết chức năng của nó. Chính vì vậy, cũng dễ hiểu các doanh nghiệp nhà nước chỉ là thầu phụ hoặc thầu lại của thầu phụ và số doanh nghiệp nhà nước liên doanh với nước ngoài không nhiều. Nguyên nhân là vì quá thiếu vốn.

Ngoài ra, các doanh nghiệp thi công xây lắp liên tục bị chiếm dụng vốn. Có công trình bàn giao hàng năm trời vẫn chưa thu hồi được vốn.

Được biết phần lớn rơi vào các công trình có vốn ngân sách, thủ tục rườm rà, phức tạp, quá trình giải ngân chậm khiến các chủ thầu phải kiệt sức trong việc trả lãi vay của ngân hàng. Trong khi đó, các chủ đầu tư chẳng quan tâm với lý do họ không phải trả lãi cho khoản vốn.

2.2.3. Công nghệ thiết bị

Đa số các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng đang sử dụng công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới từ 2 đến 3 thế hệ, 76% máy móc, dây chuyền công nghệ được sản xuất từ những năm 1950 – 1960, 75% số thiết bị đã hết khấu hao, 50% số thiết bị là đồ tân trang... Tóm lại, máy móc, thiết bị đang được sử dụng ở các doanh nghiệp xây dựng chỉ có khoảng 10% hiện đại, 38% trung bình và 52% là lạc hậu và rất lạc hậu; tỷ lệ sử dụng công nghệ cao mới chỉ có 2% (tỷ lệ này ở Thái Lan là 31%, Malaysia là 51% và Singapore là 73%). Trong khi đó, các doanh nghiệp nước ta đầu tư cho đổi mới công nghệ rất thấp, chi phí khoảng 0,2% – 0,3% tổng doanh thu. Hiện nay, trang thiết bị tuy đã dần được nhập mới, nhưng đầu tư nâng cấp trong tình trạng không có kế hoạch chủ động, mới chỉ là đơn chiếc, chưa đồng bộ và thiếu phụ tùng thay thế. Vì vậy, những thiết bị đặc chủng kém phát huy tác dụng, hiệu quả sử dụng chưa cao. Việc mua sắm tự phát và do thiếu thông tin hoặc do ấu trĩ nên một số ít thiết bị nhập lạc hậu, một số không dùng hết công suất.

Phần lớn thiết bị của các công ty xây dựng nhà nước là tài sản tiếp quản từ năm 1975 và được bổ sung bằng chỉ tiêu trong cơ chế bao cấp các năm tiếp theo đó, nhưng nay chúng cũng đã hư hỏng và lạc hậu. Do đó, các công ty xây dựng của thành phố chưa thể tự mình thực hiện được những công trình có tầm cỡ hoặc làm thầu chính.

2.2.4. Các yếu tố đầu vào

Đa số các doanh nghiệp Việt Nam phải nhập khẩu nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh. Đối với ngành xây dựng tại TP. HCM, thị trường tiêu thụ và lưu thông phân phối vật liệu xây dựng (VLXD) trên toàn khu vực phía Nam, hoạt động sản xuất và kinh doanh VLXD diễn ra ngày một khẩn trương và sôi động. Các công ty đã sản xuất hầu hết tất cả các loại VLXD từ vật liệu thô được khai thác từ nguồn tài nguyên sẵn có đến các loại VLXD cơ bản, các loại kim khí phục vụ xây dựng đến các loại VLXD có chất lượng cao, vật liệu chống thấm, phụ gia và vật liệu mới.

Tuy nhiên, hầu hết các chủng loại VLXD được sản xuất cung ứng không đủ cho nhu cầu phát triển đầu tư xây dựng của thành phố, nhiều loại VLXD như: xi măng, gạch xây, ngói lợp, gạch lát, đá ốp lát, sắt thép... phải điều phối từ các tỉnh lân cận hoặc nhập từ nước ngoài vào. Riêng loại kính xây dựng hầu như điều phối từ các tỉnh phía Bắc và nhập ngoại để cung ứng cho nhu cầu của thành phố. Trong khi đó, giá cả các loại nguyên vật liệu này trên thế giới có xu hướng gia tăng, làm cho tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu khá cao, chiếm hơn 60% giá thành sản phẩm.

Điều đó làm cho các doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM có sức cạnh tranh thấp, chất lượng sản phẩm không có ưu thế rõ rệt trên thị trường.

2.2.5. Nhận thức chung của người lao động trong doanh nghiệp

- Quy luật của cạnh tranh là sẽ đào thải những cái yếu, cái không đủ năng lực. Hiện nay người lao động trong các doanh nghiệp xây dựng chưa nhận thức được quy luật và không chịu rèn luyện, phấn đấu, học tập nâng cao trình độ, chưa nhận thức được vai trò và vị trí của mình trong dây chuyền sản xuất, nên đã gây tổn hại đến năng lực cạnh tranh, cũng như sự tồn tại của doanh nghiệp.

- Sự hiểu biết của người lao động về chính sách luật pháp của Nhà nước rất thấp. Điều này đã gây ra những hành vi sai lầm xâm hại tới lợi ích của tập thể, của quốc gia, làm giảm uy tín của doanh nghiệp như: họ có thể tham gia biểu tình, đình công mà pháp luật không cho phép.

2.2.6. Khách hàng

Khách hàng là yếu tố quan trọng nhất và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khách hàng của các doanh nghiệp xây dựng rất đa dạng như: công ty đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước, tập thể, cá nhân,... có nhu cầu về xây dựng dân dụng hay công nghiệp. Quá trình mua bán sản phẩm

xây dựng lại xảy ra trước giai đoạn sản xuất, nên khách hàng giữ vai trò quyết định dự tồn tại của doanh nghiệp. Ngoài ra, tỷ trọng về khối lượng sản phẩm mà khách hàng mua so với tổng khối lượng sản xuất ở một đơn vị là rất lớn, có khi là toàn bộ (đối với các công trình lớn, thời gian kéo dài) khiến cho áp lực từ khách hàng là rất cao, chi phối toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, các doanh nghiệp luôn tìm kiếm khách hàng và thỏa mãn nhu cầu của họ.

2.2.7. Đối thủ cạnh tranh hiện tại trong ngành

Thị trường xây dựng TP.HCM gồm các đối thủ cạnh tranh chính sau: công ty xây dựng thuộc nhà nước, công ty xây dựng ngoài không thuộc nhà nước và các công ty xây dựng nước ngoài. Các đối thủ cạnh tranh trong ngành quyết định tính chất và mức độ tranh đua giành giật lợi thế trong ngành, mà mục đích cuối cùng là giữ vững và phát triển thị phần hiện có, đảm bảo thu được lợi nhuận cao nhất. Cạnh tranh trở nên khốc liệt khi ngành ở giai đoạn bão hoà hoặc suy thoái hoặc có đông đối thủ cạnh tranh cùng năng lực như hiện nay. Do vậy, doanh nghiệp cần phải tìm hiểu mọi thông tin về đối thủ như: mục đích tương lai, các nhận định, các tiềm năng, chiến lược hiện tại, những điểm mạnh, điểm yếu, khả năng thích nghi với môi trường... của đối thủ cạnh tranh. Trên cơ sở đó, phải khắc phục những mặt còn yếu kém, phát huy những thế mạnh của doanh nghiệp để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh hơn đối thủ.

2.2.8. Các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước

- *Môi trường chính trị*: Đây là một thuận lợi lớn cho mọi doanh nghiệp vì nước ta có môi trường chính trị ổn định, một thể chế đang từng bước hoàn thiện nên thu hút được khá nhiều nhà đầu tư nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm kinh doanh vì tài sản của họ được đảm bảo, rủi ro cũng ít hơn.

- *Môi trường pháp lý*: Hiện nay, hệ thống luật pháp còn tương đối công kênh, phức tạp, chồng chéo, thủ tục hành chính rườm rà, nhiều tiêu cực, quá nhiều cửa, và đặc biệt hay thay đổi chính sách hoặc chính sách đưa ra còn chưa phù hợp với thực tế. Đây quả thực là rào cản vô cùng lớn cho doanh nghiệp, làm hạn chế khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường.

- *Môi trường kinh tế*: Do các chính sách kinh tế, các quy định và thủ tục hành chính còn phức tạp, chưa minh bạch, còn phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp nên đã tác động mạnh tới kết quả, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- *Môi trường khí hậu tự nhiên*:

Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Cũng như các tỉnh ở Nam bộ, đặc điểm chung của khí hậu-thời tiết TP.HCM là nhiệt độ cao đều trong năm và có hai mùa mưa - khô rõ ràng làm tác động chi phối môi trường cảnh quan sâu sắc. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Với thời tiết này thì vào mùa khô, hoạt động xây dựng diễn ra mạnh mẽ. Tuy nhiên vào mùa mưa, diện tích ngập chiếm 23% diện tích đất tự nhiên, đa phần ảnh hưởng các vùng ven dẫn đến nhu cầu về các ngành dịch vụ, xây dựng... giảm rõ rệt.

2.2.9. Bối cảnh quốc tế và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật

Ngày nay, thế giới đang chuyển biến mạnh mẽ, thời đại của hội nhập kinh tế quốc tế, của toàn cầu hoá, của công nghệ tự động hoá. Đó quả thực là vũ đài kinh tế lớn, là sân chơi chung cho mọi quốc gia, nó sẽ là cơ hội cho doanh nghiệp nào biết tận dụng. Đồng thời nó cũng tạo điều kiện tốt cho doanh nghiệp nâng cao được năng lực của mình bằng việc chuyển giao công nghệ, vốn, nhân lực có trình độ tay nghề vào trong sản xuất.

3. Giải pháp và kiến nghị chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020

3.1 Về phía doanh nghiệp xây dựng

3.1.1. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ tối đa giá thành thực hiện công trình

Doanh nghiệp xây dựng phải thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm như: giám sát kiểm tra chất lượng các yếu tố đầu vào, từ khâu thu mua đến bảo quản, đảm bảo phục vụ kịp thời cho tiến độ thi công, giảm thiểu đến mức tối đa mức hao hụt nguyên vật liệu, giám sát khâu thi công và kiểm tra chất lượng, kỹ thuật nhằm tránh tình trạng “rút lõi công trình” làm giảm chất lượng sản phẩm và gây tổn hại đến uy tín của doanh nghiệp.

Giá thành là một yếu tố rất quan trọng khi doanh nghiệp cạnh tranh trên thị trường. Doanh nghiệp nào có giá cả thấp hơn nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng sẽ được các chủ đầu tư quan tâm nhiều hơn. Do đó các doanh nghiệp cần tìm biện pháp nhằm giảm giá thành xây lắp để tăng năng lực cạnh tranh.

3.1.2. Tăng cường công tác thu hồi vốn kết hợp với việc lựa chọn nguồn vốn và huy động vốn

- Với công tác thu hồi vốn: Tăng cường và giám sát trách nhiệm của cán bộ làm công tác thu hồi vốn,

nâng cao khả năng đàm phán và thương lượng. Đối với các khoản nợ đọng, cần có thái độ cương quyết, có biện pháp giải quyết dứt điểm tránh tình trạng để ứ đọng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của công nhân viên.

- Với công tác huy động và thu hút vốn: mở rộng đầu tư sang lĩnh vực khác như: kinh doanh bất động sản, sản xuất kinh doanh các sản phẩm phụ như trụ điện, cống, kinh doanh xăng dầu, cung cấp bê tông tươi... điều này sẽ giúp công ty tăng khả năng quay vòng vốn lưu động, và có khoản dư thừa để trợ giúp cho ngành xây dựng. Biện pháp này sẽ giúp các công ty nâng cao được năng lực cạnh tranh so với nhiều doanh nghiệp xây dựng khác.

3.1.3. Thực hiện tổ chức, quản lý, tăng cường giáo dục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và chế độ cho cán bộ công nhân viên

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý doanh nghiệp: Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân để tăng cường trách nhiệm và phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, gắn quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Cải cách các thủ tục, quy trình tác nghiệp và thực hiện các biện pháp tiết kiệm nhằm giảm các chi phí quản lý sản xuất kinh doanh.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: cử cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật đi học nâng cao trình độ tại các khóa học nâng cao năng lực quản trị kinh doanh nhằm tạo ra đội ngũ lãnh đạo năng động và có chuyên môn sâu. Đồng thời, công ty cũng nên tổ chức đào tạo tại chỗ cho công nhân kỹ thuật về kỹ năng vận hành máy móc và thi công các công trình do các cán bộ trong công ty trực tiếp hướng dẫn. Chính điều này đã giảm rất nhiều chi phí và nâng cao được chất lượng công trình thi công.

- Đào tạo tin học, ngoại ngữ cho các cán bộ- công nhân viên

- Xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý.

Đây là công cụ để kích thích người lao động làm việc hăng say, làm việc với năng suất cao hơn, thu hút nhân tài và duy trì họ gắn bó lâu dài với công ty.

3.1.4. Cải tiến kỹ thuật, đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công

Đối với những công nghệ đã quá cũ, không còn giá trị thi công thì nên loại bỏ nhằm tránh tình trạng gây tổn hại đến chất lượng công trình và làm tăng chi phí sửa chữa. Còn đối với những thiết bị còn giá trị sử dụng thì tăng cường cải tiến, tu sửa, bảo dưỡng nhằm làm tăng tuổi thọ và khả năng sử dụng. Ngoài ra, doanh nghiệp nên đầu tư các máy móc thiết bị, công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực

cạnh tranh trong thi công.

3.1.5. Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp

Lãnh đạo các công ty cần phải tăng cường giáo dục nhân viên về văn hoá của doanh nghiệp mình từ trang phục nhân viên, cách trang trí, bày biện trong công ty, thái độ, cách ứng xử với khách hàng, chất lượng hàng hoá dịch vụ đến uy tín, danh tiếng, thương hiệu của công ty. Điều này giúp họ thấy được nét riêng của công ty mình, làm họ thêm yêu mến và cống hiến sự sáng tạo, nhiệt tình, hợp tác trong sản xuất để đạt được hiệu quả cao nhất.

3.2. Kiến nghị đối với Nhà nước trung ương và địa phương- thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách kinh tế của Nhà nước cho phù hợp với yêu cầu quốc tế, tạo môi trường kinh doanh ổn định

Để hội nhập tốt hơn vào kinh tế khu vực và toàn cầu thì Chính phủ nên hoàn thiện hơn nữa các văn bản pháp luật như: luật chống bán phá giá, luật cạnh tranh, luật quy định về bản quyền, luật đấu thầu, luật đầu tư, luật xây dựng... cho phù hợp với luật quốc tế theo tổ chức WTO. Đối với các văn bản dưới luật, các nghị định, thông tư hướng dẫn phải kịp thời với thời điểm của luật, tránh tình trạng luật đã có hiệu lực mà văn bản hướng dẫn vẫn chưa có. Điều này sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cạnh tranh của mình.

Bên cạnh luật pháp, Nhà nước cũng cần hoàn thiện các chính sách kinh tế như: chính sách tài chính, chính sách thương mại, chính sách cạnh tranh, hàng rào thương mại...nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các công ty trong nền kinh tế thị trường đầy sôi động.

Riêng đối với TP.HCM thì cần chú trọng các vấn đề sau:

- Chú trọng công tác giải phóng mặt bằng nhanh, kịp thời

- Bố trí vốn thanh toán đúng thời gian quy định

- Ban hành chính sách thu hút đầu tư: như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường...

3.2.2. Đầu tư cho giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật

Hệ thống giáo dục và đào tạo còn nhiều bất cập: Tình trạng thừa thầy, thiếu thợ, tình trạng có bằng cấp nhưng không có kiến thức và kỹ năng phản ánh những bất cập rất lớn về nguồn nhân lực mà chúng ta đang có. Vì vậy:

- Nhà nước cần tổ chức lại hệ thống giáo dục, cơ

cầu đào tạo, hướng toàn dân vào những ngành nghề phù hợp với trình độ của mình và với yêu cầu của đất nước.

- Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi để cho các cán bộ nghiên cứu của các Viện, các trường đại học, các doanh nghiệp đi thực tập nghiên cứu ở nước ngoài, hợp tác nghiên cứu với họ để nâng cao trình độ. Mặt khác cả Nhà nước và doanh nghiệp cần có những chế độ ưu đãi cao đối với những cá nhân có sáng chế tốt, mang lại nhiều lợi ích nhằm khuyến khích những tài năng để họ không ngừng tìm tòi, nghiên cứu.

- Nhà nước cần hỗ trợ tư vấn về thiết bị, công nghệ mới hiện đại, thích hợp và cung cấp thông tin công nghệ, thị trường cho các doanh nghiệp, tạo lập và phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp này tăng cường cạnh tranh trong sản xuất, chế biến sản phẩm. Chính phủ cần thành lập một số tổ chức hỗ trợ tư vấn (bằng những hình thức đa dạng) trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, giúp các doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, có thêm một tiềm lực mới trong công cuộc hội nhập quốc tế.

3.2.3. *Đẩy mạnh quá trình cải cách thủ tục hành chính*

Từ lâu nay thủ tục hành chính của các cơ quan công quyền của Việt Nam khá rườm rà gây khó khăn cản trở cho nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chính vì vậy, Nhà nước cần phải đẩy mạnh cải cách hành chính, bãi bỏ những thủ tục, những khâu không cần thiết trong quá trình xét duyệt đầu tư, áp thuế hải quan, thông quan hàng hoá, đăng ký kinh doanh... thực hiện cơ chế một cửa nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, lao động và mang lại niềm

tin cho các nhà đầu tư nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho mọi tổ chức trong xã hội, cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả cao, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực của mình trên thương trường.

3.2.4. *Mở rộng quan hệ ngoại giao, thương mại với các nước*

Hiện tại Việt Nam đã là thành viên của WTO, do vậy cơ hội cho chúng ta mở rộng thị trường là rất lớn, năng lực cạnh tranh của quốc gia cũng được nâng cao. Vì vậy, Nhà nước cần phải tăng cường ngoại giao nhằm xúc tiến thương mại và đầu tư, tìm kiếm thị trường cho các doanh nghiệp cũng như quảng bá hình ảnh Việt Nam ra quốc tế nhằm tìm kiếm các nhà đầu tư về trong nước. Điều này sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực của mình trên trường quốc tế.

4. Kết luận

Đất nước đang trong quá trình tiếp tục đổi mới và phát triển theo hướng CNH-HĐH, nhu cầu xây dựng là rất lớn. Đây thực sự là cơ hội thuận lợi cho ngành xây dựng phát triển. Mặt khác, cùng với quá trình hội nhập WTO, cơ hội đó mang đến cho các doanh nghiệp nhiều thuận lợi để phát triển, song khó khăn thử thách cũng không phải là ít. Nhận thức được điều này các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong ngành xây dựng nói riêng đều phải cố gắng khai thác, tận dụng tối đa những lợi thế sẵn có đồng thời khắc phục và hoàn thiện những mặt còn hạn chế, để có thể đủ sức cạnh tranh với các đối thủ khác không chỉ trong nước mà còn tiến xa trong khu vực và thế giới. □

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Cạnh tranh số 27/2004/QH11 ngày 03/12/2004.
2. M. Porter (1996), Chiến lược cạnh tranh- NXB Kỹ thuật.
3. Nguyễn Thị Liên Diệp, Phan Văn Nam, Chiến lược & Chính sách kinh doanh (năm 2006)- NXB Lao động - Xã hội.
4. Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về Phương hướng nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.
5. Khái luận về quản trị chiến lược - NXB Thống kê 1995 Tác giả : Fred R. David.
6. Tạp chí Sài Gòn Đầu tư và Xây dựng các năm 2010, 2011, 2012 - Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh xuất bản.
7. Quản lý nhà nước về kinh tế và quản trị kinh doanh trong xây dựng, Nguyễn Văn Chơn - NXB Xây dựng - Hà Nội 2004.
8. Công nghệ quản lý xây dựng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hội kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam - Ban KHCN - TP. HCM 11/1999.
9. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành xây dựng đến năm 2010 và tầm nhìn 2020 - Bộ Xây dựng - Hà Nội 11/1999.
10. Hệ thống văn bản pháp quy về kiến trúc quy hoạch phát triển đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng- NXB Xây dựng - Hà Nội 1998.